

b) Nêu vai trò của vi sinh vật đối với con người.

c) Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ dinh dưỡng giữa vi sinh vật với các sinh vật khác như thực vật, động vật.

**5.** Bệnh truyền nhiễm là bệnh lây truyền từ người sang người hoặc từ động vật sang người. Tác nhân gây bệnh thường là virus, vi khuẩn, nấm hoặc nguyên sinh vật. Các bệnh truyền nhiễm thường lây lan nhanh và có thể bùng phát thành dịch. Hãy khảo sát thực trạng bệnh truyền nhiễm ở địa phương em và lập bảng thống kê tên bệnh, tác nhân gây bệnh, biểu hiện và biện pháp phòng chống các bệnh đó.

### Hướng dẫn giải

**1.** Đáp án C.

**2.**

Giới sinh vật	Đại diện	Đặc điểm cấu tạo	Kiểu dinh dưỡng
Khởi sinh	Vi khuẩn <i>E. coli</i> , vi khuẩn lam	Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân sơ.	Tự dưỡng hoặc dị dưỡng
Nguyên sinh	Trùng roi, trùng đế giày, tảo lam	Cơ thể có cấu tạo đơn bào, nhân thực.	Dị dưỡng hoặc tự dưỡng
Nấm	Nấm men, nấm mốc	Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đơn hoặc đa bào.	Dị dưỡng
Thực vật	Rêu, thông, chanh	Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đa bào.	Tự dưỡng
Động vật	Giun, ốc, cá, ếch, ...	Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đa bào.	Dị dưỡng

**3.**

Thành phần cấu tạo của virus	Chức năng
Vỏ protein	Bảo vệ phần lõi
Phần lõi	Chứa vật chất di truyền
Vỏ ngoài	Bảo vệ, giúp virus bám lên bề mặt tế bào chủ

**4. a)** Đáp án A.

b) Vai trò của vi sinh vật đối với con người:

– Vi sinh vật tham gia vào chu trình sinh địa hoá phân huỷ xác sinh vật làm sạch môi trường;

– Một số nhóm vi sinh vật được sử dụng trong quá trình sản xuất, lên men.

c) Xác sinh vật (động vật, thực vật) → Vi sinh vật phân huỷ → Mùn bã giàu chất dinh dưỡng → dinh dưỡng cho thực vật → Làm thức ăn cho động vật.

## 5. Gợi ý:

TT	Tên bệnh	Tác nhân gây bệnh	Biểu hiện	Biện pháp phòng chống
1	Bệnh sốt xuất huyết	Virus Dengue	Đau đầu, sốt, phát ban, chảy máu cam, nôn, ...	Diệt muỗi, diệt bọ gậy, ngăn ngừa muỗi đốt
2	Bệnh tiêu chảy	Vi khuẩn đường ruột	Buồn nôn, nôn, đau đầu, tiêu chảy	Rửa tay đúng cách theo khuyến cáo. Ăn uống hợp vệ sinh. Vệ sinh môi trường sạch sẽ.
...	...	...	...	...





## CHỦ ĐỀ 9. Lực (15 tiết)

### LỰC VÀ BIỂU DIỄN LỰC (2 tiết)

#### MỤC TIÊU

##### 1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Tự học có hướng dẫn của GV để tìm hiểu về lực và cách biểu diễn lực bằng mũi tên;
- Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt về khái niệm, phân loại và cách biểu diễn lực;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thảo luận hiệu quả với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các phương án tìm hiểu lực và biểu diễn lực.

##### 2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy;
- Tìm hiểu tự nhiên: Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Xác định được sự đẩy và kéo ở các trường hợp cụ thể trong cuộc sống và biểu diễn được một lực lên hình vẽ.

##### 3. Phẩm chất

- Kiên trì, tỉ mỉ, cẩn thận trong quá trình quan sát, thu thập và xử lí số liệu, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng;
- Trách nhiệm trong hoạt động nhóm;
- Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; Khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

*Dựa vào mục tiêu của bài học và nội dung các hoạt động của SGK, GV lựa chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp để tổ chức cho HS tham gia các hoạt động học tập một cách hiệu quả và tạo hứng thú cho HS trong quá trình tiếp nhận kiến thức, hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất liên quan đến bài học.*

#### A. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Dạy học hợp tác;
- Dạy học giải quyết vấn đề thông qua câu hỏi trong SGK.

#### B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

##### Khởi động

GV đặt vấn đề theo gợi ý trong SGK hoặc có thể sử dụng tình huống khác phù hợp với bối cảnh dạy học của mình.